

Bản án số: **08/2023/HNGĐ-ST**
Ngày: 15-3-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Trường Thống
2. Bà Trần Thanh Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Nguyễn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2023 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 294/2022/TLST-HNGĐ ngày 23/12/2022 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1992 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp MT A, xã MT, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang

HKTT: ấp VT 1, xã VP, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang

2. Bị đơn: Ông **Phạm Văn N**, sinh năm 1992 (có mặt)

Địa chỉ: ấp VT 1, xã VP, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 20/12/2022, biên bản lấy lời khai ngày 09/02/2023, biên bản hòa giải ngày 22/02/2023 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà **Nguyễn Thị D** trình bày:*

Bà và ông Phạm Văn N chung sống với nhau năm 2015 có đăng ký kết hôn và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Cuộc sống vợ chồng thật sự hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do ông N không chí thú làm ăn để kiếm tiền lo cho vợ con mà chỉ ăn chơi nên vợ chồng thường hay cãi nhau. Vì thương con nên bà cố gắng nhẫn nhịn để chung sống, nhưng ông N vẫn tính nết ỷ lại không chịu sửa đổi mặc dù đã được gia đình cha mẹ hai bên tổ chức hòa giải để hàn gắn, nhưng vẫn không có kết quả, làm cho mâu thuẫn vợ chồng phát sinh ngày càng nhiều, không thể khắc phục được và đã ly thân nhau từ tháng 11 năm 2022 đến nay.

Về con: Vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Hoàng K, sinh ngày 14/3/2016 và Phạm Khánh B, sinh ngày 07/4/2021.

Về tài sản: Vợ chồng không tài sản chung.

Về nợ: Vợ chồng không nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn với ông Phạm Văn N;

2. Về quan hệ nuôi con chung: Yêu cầu nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con; hiện bà đang làm nghề phun, xâm thẩm mỹ nên thu nhập trung bình mỗi tháng từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng nên đủ điều kiện để nuôi con.

Thống nhất mức thu nhập của ông N mỗi tháng từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng từ nghề đưa đồ ngang sông.

3. Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng không tài sản chung, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

4. Về quan hệ nợ chung: Vợ chồng nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 24/01/2023, biên bản lấy lời khai ngày 24/01/2023, biên bản hòa giải ngày 22/02/2023 và trong quá trình xét xử bị đơn ông **Phạm Văn N** trình bày:*

Về thời gian vợ chồng chung sống, có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn, về con là hoàn toàn đúng như bà Nguyễn Thị D trình bày trên, ông không trình bày gì thêm.

Về mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do bản thân ông không lo làm ăn, ham chơi và có tham gia vào các tệ nạn xã hội như đánh bài, đá gà,...nhưng không đến mức trầm trọng dẫn đến vợ chồng phải ly hôn.

Ông hiện tại đưa đồ ngang Kinh 2, thu nhập bình quân mỗi tháng từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Về tài sản: Vợ chồng không tài sản chung.

Về nợ: Vợ chồng không nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng.

Nay theo yêu cầu của bà D, ông có ý kiến như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị D, vì còn thương bà D;

Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho bà D được ly hôn với ông thì ông có ý kiến như sau:

2. Về quan hệ nuôi con chung: Yêu cầu nuôi con Phạm Hoàng K, sinh ngày 14/3/2016; giao Phạm Khánh B, sinh ngày 07/4/2021 cho bà D trực tiếp nuôi, không ai cấp dưỡng nuôi con sau khi vợ chồng ly hôn.

Thống nhất thu nhập của bà D mỗi tháng từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng từ nghề phun, xâm thẩm mỹ.

3. Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng không tài sản chung, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

4. Về quan hệ nợ chung: Vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** *Tại phiên tòa:***

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày và yêu cầu như trên.

- Bị đơn ông Phạm Văn N chỉ đồng ý ly hôn khi bà D giao con Phạm Hoàng Kha cho ông nuôi và chỉ thống nhất mức thu nhập của bà D mỗi tháng 15.000.000 đồng từ nghề phun, xâm thẩm mỹ.

- Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét những vấn đề như sau, về quan hệ hôn nhân: cho bà Nguyễn Thị D ly hôn với ông Phạm Văn N; về quan hệ nuôi con chung: Ghi nhận sự tự thỏa thuận giữa bà D và ông N,

giao cháu Phạm Khánh B, sinh ngày 07/4/2021 cho bà D trực tiếp nuôi và chấp nhận yêu cầu của bà D về việc giao cháu Phạm Hoàng K, sinh ngày 14/3/2016 cho bà D trực tiếp nuôi, ông N không cấp dưỡng nuôi con cùng bà D sau khi vợ chồng ly hôn; về quan hệ tài sản chung và về nợ chung: không có tranh chấp nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D và ông Phạm Văn N tự nguyện lấy nhau làm vợ chồng, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã VP cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2015. Quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông N là hôn nhân hợp pháp phù hợp theo quy định tại các điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà D thấy rằng: Theo ý kiến bà D trình bày cùng các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do ông N không chí thú làm ăn để lo cuộc sống cho gia đình mà ham chơi, tham gia vào các tệ nạn xã hội (đá gà, đánh bài,...) dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nhiều không thể khắc phục được mặc dù cha mẹ hai bên đã cố gắng hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nhưng vẫn không có kết quả và vợ chồng cũng đã ly thân nhau một thời gian. Tại phiên tòa hôm nay, bà D vẫn cương quyết ly hôn với ông N, mặc dù Tòa án đã kiên trì hòa giải nhưng vẫn không có kết quả. Bản thân ông N tuy không đồng ý ly hôn với bà D, nhưng vẫn xác định và thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng phát sinh và thời gian ly thân nhau đúng như bà D trình bày. Ông N chỉ đồng ý ly hôn khi bà D giao con Phạm Hoàng K cho ông trực tiếp nuôi. Ý kiến này của ông N cho thấy không phải vì ông N còn thương vợ, mà ông N chỉ mong muốn được nuôi con (Hoàng K) thì ông sẽ đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà D nêu ra.

Qua kết quả xác minh, thu thập chứng cứ thì tình trạng mâu thuẫn và thời gian ly thân của vợ chồng của bà D và ông N là có thật, phù hợp với lời trình bày của bà D, ông N nêu trên (bút lục số 28).

Từ những phân tích, đánh giá trên cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà D và ông N không khả năng đoàn tụ, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D đối với ông N theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về quan hệ nuôi con chung: Giữa bà D và ông N thống nhất xác định, vợ chồng có 02 đứa con chung tên Phạm Hoàng K, sinh ngày 14/3/2016 và

Phạm Khánh B, sinh ngày 07/4/2021. Sau khi ly hôn giao con chung Phạm Khánh B, sinh ngày 07/4/2021 cho bà D trực tiếp nuôi. Thấy rằng, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và cũng phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên cần ghi nhận.

Xét yêu cầu được nuôi con Phạm Hoàng K, sinh ngày 14/3/2016 của ông N là chưa phù hợp. Bởi, cháu Phạm Hoàng K, sinh ngày 14/3/2016 đã có văn bản trình bày thể hiện ý kiến sau khi cha mẹ (bà D, ông N) ly hôn có nguyện vọng được sống chung với bà D. Đồng thời, cháu Hoàng K cũng đến thời điểm này đã hơn 07 tuổi (07 tuổi 01 ngày). Vì vậy, cần giao cháu Phạm Hoàng K, sinh ngày 14/3/2016 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng sau khi bà và ông N ly hôn là phù hợp theo nguyện vọng của cháu Phạm Hoàng K và theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Việc bà D không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con cùng bà sau khi vợ chồng ly hôn là tự nguyện. Tuy ông N không thống nhất mức thu nhập của bà D như ý kiến của ông đã nêu ra khi Tòa án hòa giải, nhưng vẫn xác định và công nhận bà D có nghề nghiệp và có thu nhập ổn định nên có đầy đủ khả năng, điều kiện nuôi dưỡng con chung, do đó ông N không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng bà D sau khi vợ chồng ly hôn.

[3] Về quan hệ tài sản chung và về quan hệ nợ chung: Các đương sự đã thống nhất xác định, vợ chồng không tài sản chung, không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D có đơn yêu cầu xin ly hôn nên bà D phải chịu **300.000** đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1 - Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị D ly hôn ông Phạm Văn N.

2 - Về quan hệ nuôi con chung: Giao con chung Phạm Hoàng K, sinh ngày 14/3/2016 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng (*đúng theo nguyện vọng của Phạm*

Hoàng Kha), ông N không cấp dưỡng nuôi con cùng bà D sau khi vợ chồng ly hôn.

Ghi nhận sự tự thỏa thuận giữa bà Nguyễn Thị D và ông Phạm Văn N, cụ thể: Sau khi ly hôn, giao Phạm Khánh B, sinh ngày 07/4/2021 cho bà D trực tiếp nuôi, ông N không cấp dưỡng nuôi con cùng bà D sau khi vợ chồng ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3 - Về quan hệ tài sản chung và về quan hệ nợ chung: Không xem xét.

4 - Về án phí: Bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là **300.000 đồng**, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0002658 ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận; bà D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 15/3/2023).

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh KG;
- VKS huyện, tỉnh;
- Các Đ/s;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã VP;
- Lưu (HSVA, VPTA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Mỹ Linh